



UNIT 7: GROWING UP

THEORY

► GRAMMAR (NGỮ PHÁP)

I. Simple past tense

1. Cách dùng

- Diễn tả hành động hay sự việc đã xảy ra và kết thúc tại một thời điểm được xác định trong quá khứ.

Ex: I met her last summer.(Tôi đã gặp cô ấy vào mùa hè năm ngoái.)

- Diễn tả hành động thường làm hay quen làm trong quá khứ.

Ex: She often swimming every day last year.(Năm ngoái cô ấy đi bơi mỗi ngày.)

2. Dạng thức của quá khứ đơn.

a. Với động từ "to be" (was/were)

	Khẳng định	Phủ định (not)	Nghi vấn?
I/ He/ She/ It/ Danh từ số ít	was	was not (wasn't)	Was I / he/ she it/...?
We/ You/ They/ Danh từ số nhiều	were	were not (weren't)	Were we/ you/they...?

b. Với động từ thường (Verbs/V)

	Khẳng định	Phủ định (not)	Nghi vấn?
I/ You/ We/ They/ He /She / It / Danh từ	-V-ed (động từ có quy tắc) - V-2 (động từ bất quy tắc)	did not + Vo (=didn't +Vo)	Did...+ Vo...?

c. Wh-question

Khi đặt câu hỏi có chứa Wh-word (từ để hỏi) như **Who, What, When, Where, Why, Which, How**, ta đặt chúng lên đầu câu. Tuy nhiên khi trả lời cho dạng câu hỏi này, ta không dùng Yes/No mà cần đưa ra câu trả lời trực tiếp.

Cấu trúc:

Wh-word + was/were + S?	Wh-word + did + S + V?
Ví dụ: -Where were they? (Họ đã ở đâu thế?) -They were in the playground. (Họ ở trong sân chơi.)	Ví dụ: -What did Ba do at the weekend? (Ba đã làm gì vào cuối tuần?) -He studied English. (Cậu ấy học tiếng Anh.)

3. Dấu hiệu nhận biết

- Trong câu ở thì quá khứ đơn thường có sự xuất hiện của các trạng từ chỉ thời gian như:

-yesterday (hôm qua)

-last night/week/month/...(Tôi qua/tuần trước/tháng trước/...)

-ago (cách đây), (two hours ago: cách đây 2 giờ/two weeks ago: cách đây hai tuần...)

-in + thời gian trong quá khứ (eg:in 1990)

-when: khi (trong câu kể)

4. Cách thêm -ed vào sau động từ

a. Trong câu ở thì quá khứ đơn, động từ bắt buộc phải thêm đuôi -ed.

Dưới đây là các quy tắc khi thêm đuôi -ed vào động từ.

Thêm "ed" vào đằng sau hầu hết các động từ	Ví dụ	Want - wanted	Finish - finished
Động từ kết thúc bằng đuôi "e" hoặc "ee" chúng ta chỉ việc thêm "d" vào cuối động từ.	Ví dụ	Look - looked	Help - helped
Đối với động từ tận cùng là "y" + Nếu trước "y" là một nguyên âm (u,e,o,a,i), ta thêm "ed" bình thường. + Nếu trước "y" là một phụ âm ta đổi "y" thành "i+ed"	Ví dụ	Live - lived	Agree - agreed
		Love - loved	Believe - believed
		Play - played	Study - studied
		Stay - stayed	Worry - worried
		Enjoy - enjoyed	Marry - married
Động từ một âm tiết, tận cùng bằng một nguyên âm + một phụ âm (trừ những từ kết thúc bằng h,w,x,y), ta phải gấp đôi phụ âm trước khi thêm "ed"	Ví dụ	Stop - stopped	Fit - fitted
		Plan - planned	

b. Động từ bắt quy tắc

- Là những động từ được chia ở cột 2 trong "Bảng động từ bắt quy tắc" (Học thuộc lòng)

V	V-ed	Nghĩa
go	went	Đi
have	had	Có
Teach	taught	Dạy
buy	bought	mua
drink	drank	Uống

II. Diphthongs /aɪ/, /ao/, /iə/, /eə/

/aɪ/ is a long vowel sound.	/ao/ is a long vowel sound.
- It starts with /a:/ and moves to /ɪ/. - It's pronounced /aɪ/...../aɪ/. die /dai/ like /laɪk/ why /wai/ high /hai/	- It starts with /a:/ and moves to /ʊ/ - It's pronounced /ao/...../ao/. How /hau/ Now /nau/ Loud /laʊd/ Mouse /maʊs/
/iə/ is a long vowel sound.	/eə/ is a long vowel sound.
- It starts with /ɪ/ and moves to /ə/. - It's pronounced /iə/.... /iə/. ear /ɪər/ hear /hɪər/ beer /bɪər/ clear /kliər/	- It starts with /e/ and moves to /ə/. - It's pronounced /eə/...../eə/. air /eər/ care /keər/ hair /heər/ share /tʃeər/